

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2016

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT
ĐỨC GIANG LÀO CAI**

MỤC LỤC

	Trang
1 . Mục lục	1
2 . Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3 . Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	5 - 8
4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2016	9
5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2016	10 - 11
6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý II năm 2016	12 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG LÀO CAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài cho năm tài chính Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300299830 ngày 13 tháng 11 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư 04 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 13 tháng 5 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 ngày 13 tháng 11 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 ngày 24 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Tăng Loàng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai,
Điện thoại : 0202 247 811
Fax : 0203 867 214
E-mail : phopho4@vnn.vn
Mã số thuế : 5 3 0 0 2 9 9 8 3 0

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón, sắt, thép, kim loại màu;
- Sản xuất, buôn bán máy móc thiết bị điện, các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng, các chất chứa bi tum, các loại sáp khoáng chất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khai thác không chứa sắt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	22 tháng 03 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014
Ông Ninh Ngọc Cừ	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Tạ Phương Thảo	Trưởng ban	22 tháng 03 năm 2014
Bà Hoàng Thúy Hà	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014
Ông Trần Văn Phương	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Hồ Mạnh Linh	Giám đốc	12 tháng 4 năm 2015
Ông Ninh Ngọc Cừ	Phó giám đốc	01 tháng 1 năm 2013
Ông Đặng Tiến Đức	Phó giám đốc	15 tháng 4 năm 2011

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch
- trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp
- tục hoạt động liên tục;
Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo
- tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính..

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Hồ Mạnh Linh

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		601.570.721.240	716.525.091.906
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65.759.712.925	8.353.734.710
1. Tiền	111		27.359.712.925	8.353.734.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.400.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		383.459.542.482	547.005.641.572
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	101.365.685.813	113.550.588.131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	36.210.540.107	22.376.197.613
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	245.118.853.308	363.681.268.981
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	764.463.254	47.397.586.847
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		122.860.906.533	136.860.727.577
1. Hàng tồn kho	141	V.7	122.860.906.533	136.860.727.577
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.490.559.300	24.304.988.047
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.271.046.256	23.775.091.933
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	219.513.044	529.896.114
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		694.243.659.313	695.271.021.538
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		464.509.474.113	508.507.592.590
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	432.881.718.144	456.909.763.384
<i>Nguyên giá</i>	222		696.820.144.376	693.337.679.648
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(263.938.426.232)	(236.427.916.264)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	31.627.755.969	51.597.829.206
<i>Nguyên giá</i>	228		37.451.564.370	56.997.653.187
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.823.808.401)	(5.399.823.981)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.949.928.894	25.955.849.270
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	45.949.928.894	25.955.849.270
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		168.356.520.000	144.356.520.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	168.356.520.000	144.356.520.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.427.736.306	16.451.059.678
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	15.427.736.306	16.451.059.678
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.295.814.380.553	1.411.796.113.444

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		527.485.107.824	563.523.741.088
I. Nợ ngắn hạn	310		527.485.107.824	563.523.741.088
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	142.854.097.649	98.344.159.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.921.102.982	3.511.016.322
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.734.972.261	12.572.952.254
4. Phải trả người lao động	314		12.247.125.868	19.089.120.362
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9.058.610.416	8.767.878.293
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.432.011.990	48.459.132.037
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	296.981.061.905	332.673.654.018
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	52.256.124.753	40.105.828.587
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán quý II (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		768.329.272.729	848.272.372.356
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	768.329.272.729	848.272.372.356
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		463.998.880.000	463.998.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.998.880.000	463.998.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.520.000)	(3.520.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		183.868.085.225	157.404.111.174
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		120.465.827.504	226.872.901.182
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120.465.827.504	226.872.901.182
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.295.814.380.553	1.411.796.113.444

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Phương

Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Phương

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016



Hồ Mạnh Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II


cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	486.994.040.475	520.348.676.492	1.005.118.241.021	1.085.458.269.268
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		486.994.040.475	520.348.676.492	1.005.118.241.021	1.085.458.269.268
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	405.108.132.992	440.252.625.351	841.525.005.049	912.696.214.995
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.885.907.483	80.096.051.141	163.593.235.972	172.762.054.273
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.746.985.301	5.903.055.989	14.210.219.693	10.037.913.700
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	3.647.470.079	4.161.529.294	5.912.091.376	11.038.206.609
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.554.886.263	1.430.395.677	3.765.830.750	4.121.912.764
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.164.843.475	23.790.969.898	39.648.850.216	52.486.887.576
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.913.871.068	3.033.058.475	6.103.426.966	8.019.014.510
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.906.708.162	55.013.549.463	126.139.087.107	111.255.859.278
11.	Thu nhập khác	31		-	-	-	70.400
12.	Chi phí khác	32	VI.7	-	48.197.400	-	77.392.374
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(48.197.400)	-	(77.321.974)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.906.708.162	54.965.352.063	126.139.087.107	111.178.537.304
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	5.673.259.603	6.220.000.530	5.673.259.603	14.378.314.530
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.233.448.559	48.745.351.533	120.465.827.504	96.800.222.774
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.042	1.051	2.440	1.961
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.042	1.051	2.440	1.961

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Phạm Thị Bích Phương


Phạm Thị Bích Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ II

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		126.139.087.107	111.178.537.304
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		27.934.494.388	28.072.184.481
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	210.806.061	2.590.665.913
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(9.228.307.594)	(7.354.475.440)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.765.830.750	4.121.912.764
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		148.821.910.712	138.608.825.022
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		85.590.045.914	(2.919.357.438)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.999.821.044	(38.755.790.443)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		30.512.334.380	68.185.225.187
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.023.323.372	(1.663.766.567)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.675.576.890)	(4.052.448.654)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(6.999.621.517)	(20.551.278.937)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(3.460.080.721)	(3.162.787.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		265.812.156.294	135.688.620.670
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(27.930.455.535)	(35.133.699.772)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(207.887.000.000)	(45.877.077.773)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		243.513.446.977	242.393.556.646
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.327.107.141	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		54.023.098.583	161.382.779.101

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	525.545.348.189	429.337.759.465
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(561.237.940.302)	(625.626.014.994)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(226.736.684.549)	(89.788.548.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(262.429.276.662)	(286.076.803.609)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		57.405.978.215	10.994.596.162
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.353.734.710	4.734.767.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	65.759.712.925	15.729.363.198

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Phương

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Phương

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016



Hồ Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chấ

4. Cấu trúc Công ty Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất của ni-tơ	31,59%	31,59%	31,59%
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (*)	Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	30,00%	30,0%	30,0%

5. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 Công ty có 515 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 518 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loòng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Đối với các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loàng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bão Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3

8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (47 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	2.832.686.428	1.273.335.095
Tiền gửi ngân hàng	24.527.026.497	7.080.399.615
Các khoản tương đương tiền	38.400.000.000	
Cộng	65.759.712.925	8.353.734.710

2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>168.356.520.000</i>		<i>168.356.520.000</i>	<i>144.356.520.000</i>		<i>144.356.520.000</i>
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai(i)	126.356.520.000		126.356.520.000	126.356.520.000		126.356.520.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ(ii)	18.000.000.000		18.000.000.000	18.000.000.000		18.000.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	24.000.000.000		24.000.000.000			
Cộng	168.356.520.000		168.356.520.000	144.356.520.000		144.356.520.000

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300582654 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa Chất Phân bón Lào Cai 126.356.520.000 VND, tương đương 31,59 % vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022031000132 thay đổi lần thứ nhất do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 5 năm 2015, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ 18.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp vốn 18.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hóa chất và Phân bón Lào Cai (LFC)		
Mua hàng từ LFC	176.810.397.067	221.711.694.205
Thuế GTGT đầu vào	17.625.277.270	12.335.453.156
Bán hàng cho LFC	40.739.452.770	50.672.642.253
Thuế GTGT hàng bán	3.781.945.277	4.016.179.953

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chuyển khoản cho LFC vay	76.784.000.000	40.157.077.773
LFC trả tiền vay	225.783.446.977	242.393.556.646
Lãi tiền vay phải thu LFC	7.028.783.618	6.620.909.919
Trả LFC tiền hàng	57.750.000.000	
LFC trả tiền cổ tức	44.723.534.848	

Công ty Cổ phần Hóa Chất Đức Giang - Đình Vũ

Chuyển khoản cho DDC vay	3.070.000.000	5.720.000.000
Lãi cho vay	1.001.884.193	733.565.521
DDC trả tiền vay	6.130.000.000	
DDC trả tiền cổ tức	1.603.572.293	

Công ty Cổ phần Hóa Chất Bảo Thắng - BTC

Chuyển khoản cho BTC vay	128.033.000.000	
Lãi cho vay	1.197.639.783	
BTC trả tiền vay	11.600.000.000	

3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>403.278.215</i>	<i>21.355.652.644</i>
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	378.579.640	21.355.652.644
Công ty cổ phần hóa chất Bảo Thắng	24.698.575	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>100.962.407.598</i>	<i>92.194.935.487</i>
Excel Industries Limited		5.926.800.000
Lanxess Deutschland GMBH	13.013.073.640	14.145.363.350
Mitsubishi Corporation	48.265.986.574	23.772.394.799
OCI Corporation	5.150.006.982	9.484.024.950
ICL Performance Prod LP		6.876.199.275
Công ty CP Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc		2.744.000.000
Công ty CP Hóa chất Đà Nẵng		2.705.700.000
Công ty TNHH MTV XNK Hồng Vũ	36.334.977	1.451.557.642
Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển	3.605.116.680	4.977.500.000
CARGILL FEED SDN BHD	2.355.987.840	1.064.197.350
Công ty TNHH thức ăn thủy sản Newhope Đồng Th	549.164.200	1.059.390.600
Các đối tượng khác	27.986.736.705	17.987.807.521
Cộng	<u>101.365.685.813</u>	<u>113.550.588.131</u>

4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>36.210.540.107</i>	<i>22.376.197.613</i>
Ban quản lý dự án Giải phóng mặt bằng và Tái định cư Tăng Loong	3.340.396.295	3.340.396.295
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Văn Giang - Văn Na	4.063.849.083	
Công ty CP xây dựng S86 Thăng Long	15.074.552.656	11.253.107.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty TN HH Tập đoàn Tân Hồng Đại	1.928.857.651	1.085.817.682
Các nhà cung cấp khác	11.802.884.422	6.696.876.636
Cộng	36.210.540.107	22.376.197.613

5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu về cho vay các bên liên quan</i>	245.118.853.308	363.681.268.981
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai(i)	90.446.533.200	324.581.472.849
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ(ii)	37.041.680.325	39.099.796.132
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	117.630.639.783	
<i>Phải khác về cho vay các đối tượng khác</i>		
Cộng	245.118.853.308	363.681.268.981

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai (là bên liên quan) vay với lãi suất 5% năm, thời hạn vay không xác định

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (là bên liên quan) vay với lãi suất 5% năm, thời hạn vay không xác định.

6 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	131.894.428		46.327.107.141	
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai			44.723.534.848	
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ			1.603.572.293	
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	131.894.428			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	632.568.826		1.070.479.706	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	632.568.826		650.479.706	
Tạm ứng			420.000.000	
Cộng	764.463.254		47.397.586.847	

7 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	85.255.384.087		89.286.157.319	
Chi phí sản xuất KD dở dang	2.202.945.448		2.345.898.004	
Công cụ, dụng cụ	260.159.424		187.800.000	
Thành phẩm	35.142.417.574		45.040.872.254	
Cộng	122.860.906.533		136.860.727.577	

8 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	3.014.965.397	5.038.706.877
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.073.934.726	701.715.801

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi phí giải phóng mặt bằng	11.338.836.183	10.710.637.000
Cộng	15.427.736.306	16.451.059.678

9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	359.455.921.462	319.504.699.534	13.688.831.379	688.227.273	693.337.679.648
Tăng trong năm		3.482.464.728			3.482.464.728
Số cuối kỳ	359.455.921.462	322.987.164.262	13.688.831.379	688.227.273	696.820.144.376
<i>Trong đó:</i>					
còn sử dụng	354.416.502.403	36.659.225.812	1.101.083.619	62.048.542	392.238.860.376
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	60.692.083.490	167.144.931.433	8.177.041.114	413.860.227	236.427.916.264
Tăng do khấu hao trong kỳ	9.445.427.192	17.013.975.364	905.150.775	145.956.637	27.510.509.968
Số cuối kỳ	70.137.510.682	184.158.906.797	9.082.191.889	559.816.864	263.938.426.232
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	298.763.837.972	152.359.768.101	5.511.790.265	274.367.046	456.909.763.384
Số cuối kỳ	289.318.410.780	138.828.257.465	4.606.639.490	128.410.409	432.881.718.144

10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	56.473.987.187	523.666.000	56.997.653.187
Giảm trong kỳ	19.546.088.817		19.546.088.817
Số cuối kỳ	36.927.898.370	523.666.000	37.451.564.370
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.295.090.781	104.733.200	5.399.823.981
Khấu hao trong kỳ	371.617.820	52.366.600	423.984.420
Số cuối kỳ	5.666.708.601	157.099.800	5.823.808.401

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCD trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	25.955.849.270	19.994.079.624		45.949.928.894
<i>DCP mở rộng</i>		<i>4.260.302.716</i>		<i>4.260.302.716</i>
<i>Khu tập thể nhà chung cư</i>	<i>25.955.849.270</i>	<i>15.733.776.908</i>		<i>41.689.626.178</i>
Sửa chữa TSCD		7.714.700.883	7.714.700.883	
Cộng	25.955.849.270	27.708.780.507	7.714.700.883	45.949.928.894

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>47.495.215</u>	<u>37.120.025</u>
Công ty TNHH Văn Minh	47.495.215	37.120.025
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	<u>142.806.602.434</u>	<u>98.307.039.190</u>
Hekou Yuyang Trade Company	3.829.433.496	4.504.154.558
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cường Thịnh Thi		38.040.492.483
HEKOU LONGTONG IMPORT&EXPORT CO., L	1.905.461.591	3.220.962.946
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	97.267.841.095	13.733.932.132
Công ty TNHH Thương mại Đức Giang Nam Ninh	8.994.660.681	8.645.249.582
Công ty Điện Lực Lào Cai	10.007.799.643	9.717.404.494
Các nhà cung cấp khác	20.801.405.928	20.444.842.995
Cộng	<u>142.854.097.649</u>	<u>98.344.159.215</u>

13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên có liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<u>1.921.102.982</u>	<u>3.511.016.322</u>
Công ty CP Hóa chất khoáng Sản và XD Hà Nội	873.430.000	461.600.000
Công ty CP Phân bón miền nam		1.342.500.000
Các khách hàng khác	1.047.672.982	1.706.916.322
Cộng	<u>1.921.102.982</u>	<u>3.511.016.322</u>

14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Bù trừ thuế GTGT được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			10.932.079.878	10.932.079.878			
Thuế xuất, nhập khẩu		529.896.114	30.325.467.210	30.015.084.140			219.513.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.542.678.896		5.673.259.603	6.999.621.517	5.543.057.379	5.673.259.603	
Thuế thu nhập cá nhân	30.273.358		4.626.368.100		594.928.800	4.061.712.658	
Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000			
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác							
Cộng	<u>12.572.952.254</u>	<u>529.896.114</u>	<u>51.560.174.791</u>	<u>47.949.785.535</u>	<u>6.137.986.179</u>	<u>9.734.972.261</u>	<u>219.513.044</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Supe lân, Decalcium phot phat: Không chịu thuế

Hàng xuất khẩu: 0%

Quặng bột: 5%

Các loại hóa chất khác: 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000099 ngày 14 tháng 07 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp, theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất thuế 10% trong 15 năm kể từ khi dự án sản xuất P4 đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2014).

Thu nhập từ dự án đầu tư dây chuyền sản xuất decalcium phốt phát, supe lân theo giấy chứng nhận đầu tư số 12121000280 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 10/10/2014, được ưu đãi miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo quy định tại mục 6 điều 18 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 về hướng dẫn thi hành nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ dự án mở rộng lò phốt pho số 2 phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% từ khi phát sinh doanh thu đến năm 2014. Từ năm 2015 trở đi, căn cứ thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, thu nhập từ lò số 2 được áp dụng miễn thuế, giảm thuế cho dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn cho thời gian còn lại.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.139.087.107	111.178.537.304
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	216.000.000	804.148.275
- Các khoản điều chỉnh tăng	216.000.000	804.148.275
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức là lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản phải thu		
Thu nhập chịu thuế	126.355.087.107	111.982.685.579
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	22%	22%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	25.268.162.575	24.636.190.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(12.134.872.807)	(7.159.490.080)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(7.460.030.165)	(3.098.386.217)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.673.259.603	14.378.314.530
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.673.259.603	14.378.314.530

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên có liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	9.058.610.416	8.767.878.293
Chi phí lãi vay phải trả	90.253.860	113.971.602
Tiền điện	8.968.356.556	8.653.906.691
Cộng	<u>9.058.610.416</u>	<u>8.767.878.293</u>

16 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên có liên quan</i>		28.646.629.476
Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang - tiền cổ tức		28.621.194.000
Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang - phải trả khác		25.435.476
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.432.011.990	19.812.502.561
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.081.741.086	498.046.632
Kinh phí công đoàn	913.663.763	1.133.128.443
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	388.569.467	18.133.289.812
Phải trả, phải nộp khác	48.037.674	48.037.674
Cộng	<u>2.432.011.990</u>	<u>48.459.132.037</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	296.981.061.905	296.981.061.905	332.673.654.018	332.673.654.018
Vay ngắn hạn ngân hàng	296.981.061.905	296.981.061.905	332.673.654.018	332.673.654.018
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch HN (i)	146.389.862.097	146.389.862.097	108.126.015.388	108.126.015.388
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (ii)	28.808.216.758	28.808.216.758		
- Ngân hàng TMCP Quân đội				
- MBBank (iii)	71.599.969.510	71.599.969.510	128.268.806.260	128.268.806.260
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai (iv)	50.183.013.540	50.183.013.540	96.278.832.370	96.278.832.370
	296.981.061.905	296.981.061.905	332.673.654.018	332.673.654.018

⁽ⁱ⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch Hà Nội theo hợp đồng cấp tín dụng số 140044/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 20/02/2014, hạn mức tối đa 150.000.000.000 VND theo phụ lục số 01 ngày 14/3/2014. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại cho Công ty. Lãi suất được thay đổi theo thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy hóa chất Đức Giang Lào Cai.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) gửi Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang và Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai ngày 24/4/2013. Hạn mức 2.000.000 USD hoặc tương đương bằng VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai với giá trị ít nhất 2.000.000 USD, tất cả các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai với giá trị ít nhất 2.000.000 USD. *

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 196.14.737.1504066.TD ngày 11/02/2014. Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động SXKD phốt pho vàng. Lãi suất quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(iv)

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo hợp đồng tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT180 - DUCGIANG ngày 07 tháng 01 năm 2015. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng, lãi suất áp dụng là 1,5%/năm đối với vay USD, lãi suất vay được điều chỉnh hàng tháng. Khoản vay không được đảm bảo bằng tài sản, tuy nhiên bên ngân hàng sẽ yêu cầu tài sản thế chấp nếu bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc không còn đáp ứng điều kiện được cấp tín dụng không đảm bảo bằng tài sản theo quy định của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Khoản vay các cá nhân theo các hợp đồng tín dụng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong	Tăng do CLTG cuối kỳ	Tăng khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm khác do CLTG	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	332.673.654.018	519.248.187.697	165.570.662		551.221.481.101	3.884.869.371	296.981.061.905
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		10.016.459.201			10.016.459.201		
Vay ngắn hạn các cá nhân							
Cộng	332.673.654.018	529.264.646.898	165.570.662		561.237.940.302	3.884.869.371	296.981.061.905

18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	22.939.484.224	7.805.188.443	1.678.000.000	29.066.672.667
Quỹ phúc lợi	17.166.344.363	7.805.188.444	1.782.080.721	23.189.452.086
Cộng	40.105.828.587	15.610.376.887	3.460.080.721	52.256.124.753

19 Vốn chủ sở hữu

19a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	463.998.880.000	(3.520.000)	157.404.111.174		621.399.471.174
Góp vốn trong năm					
Mua trong năm					
Lợi nhuận trong năm				273.272.437.182	273.272.437.182
Phân phối lợi nhuận				(46.399.536.000)	(46.399.536.000)
Số dư cuối kỳ trước	463.998.880.000	(3.520.000)	157.404.111.174	226.872.901.182	848.272.372.356
Số dư đầu năm nay	463.998.880.000	(3.520.000)	157.404.111.174	226.872.901.182	848.272.372.356
Lợi nhuận trong kỳ này				120.465.827.504	120.465.827.504
Phân phối lợi nhuận			26.463.974.051	(226.872.901.182)	(200.408.927.131)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số dư cuối kỳ này	<u>463.998.880.000</u>	<u>(3.520.000)</u>	<u>183.868.085.225</u>	<u>120.465.827.504</u>	<u>768.329.272.729</u>
-------------------	------------------------	--------------------	------------------------	------------------------	------------------------

19b Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.399.888	46.399.888
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.399.888	46.399.888
- Cổ phiếu phổ thông	46.399.888	46.399.888
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352	352
- Cổ phiếu phổ thông	352	352
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.399.536	46.399.536
- Cổ phiếu phổ thông	46.399.536	46.399.536
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	998.190.680.413	1.034.646.263.433
Doanh thu bán quặng bột	5.840.000.000	21.021.685.450
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	1.087.560.608	29.790.320.385
Cộng	<u>1.005.118.241.021</u>	<u>1.085.458.269.268</u>

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c.
Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang		
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	89.560.043.279	79.569.766.420
<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	8.956.004.328	7.956.976.640
Công ty TNHH Văn Minh		
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	199.198.989	563.729.829
<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	19.919.899	56.340.482

2 Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	834.018.109.228	864.271.676.432

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tầng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá vốn của quặng bột đã bán	7.455.916.800	20.277.538.348
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ khác	50.979.021	28.147.000.215
Cộng	841.525.005.049	912.696.214.995
3 Doanh thu hoạt động tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.888.889	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.373.384	23.044.050
Lãi tiền cho vay	9.228.307.594	7.354.475.440
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.944.649.826	2.660.394.210
Cộng	14.210.219.693	10.037.913.700
4 Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.765.830.750	4.121.912.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	210.806.061	2.590.665.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.935.454.565	4.325.627.932
Cộng	5.912.091.376	11.038.206.609
5 Chi phí bán hàng	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.431.516.844	1.538.979.862
Chi phí khấu hao TSCĐ	186.724.038	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.793.220.478	49.040.379.205
Chi phí bằng tiền khác	1.237.388.856	1.907.528.509
Cộng	39.648.850.216	52.486.887.576
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.985.494.975	5.100.641.769
Chi phí vật liệu quản lý		78.399.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.037.300.524	1.314.424.561
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.077.631.467	1.522.549.180
Chi phí bằng tiền khác		
Cộng	6.103.426.966	8.019.014.510
7 Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán vật liệu của dự án XDCB		
Thu nhập khác		70.400
Cộng		70.400

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8 Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt hành chính		
Chi phí khác		77.392.374
Cộng		77.392.374

9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	120.465.827.504	96.800.222.774
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.780.347.840	(5.808.013.366)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	113.685.479.663	90.992.209.408
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	46.399.536	46.399.536
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.450	1.961

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	46.399.536	46.399.536
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	46.399.536	46.399.536

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1b *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa Chất Đức Giang Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Văn Minh	Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh là vợ của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (</i>		
DGC chuyển trả tiền hàng	135.810.485.519	119.173.643.392
Chuyển trả tiền cổ tức cho DGC	142.612.746.792	30.139.560.668
Mua hàng của DGC	89.854.867	54.754.352
Dịch vụ vận chuyển do DGC cung cấp	4.143.072.763	5.199.071.817
Thuế GTGT đầu vào	370.401.041	260.069.182
Chuyển trả tiền mua hàng cho DGC	16.344.779.304	
<i>Công ty TNHH Văn Minh</i>		
Nhập mua vật tư, đồ thí nghiệm của Văn Minh	452.725.314	765.309.311
Thuế GTGT đầu vào	37.929.875	67.515.023
Chuyển trả tiền mua hàng cho Văn Minh	267.630.424	
Văn Minh trả tiền mua hàng		

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2 **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ, do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2a Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: là hoạt động sản xuất phốt-pho, decalcium phốt phát, supe lân, Silicat.
- Lĩnh vực thương mại: bán quặng bột apatit, lưu huỳnh, fero.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này				
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	998.190.680.413	6.927.560.608		1.005.118.241.021
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	998.190.680.413	6.927.560.608		1.005.118.241.021
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	164.172.571.185	(579.335.213)		163.593.235.972
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(45.752.277.182)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				117.840.958.790
Doanh thu hoạt động tài chính				14.210.219.693
Chi phí tài chính				(5.912.091.376)
Thu nhập khác				
Chi phí khác				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.673.259.603)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu				120.465.827.504
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.365.858.093			27.365.858.093
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	32.840.892.945	6.238.556		32.847.131.501

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán	1.034.646.263.433	50.812.005.835	1.085.458.269.268
Doanh thu thuần về bán			
Tổng doanh thu thuần về	1.034.646.263.433	50.812.005.835	1.085.458.269.268
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	170.374.587.001	2.387.467.272	172.762.054.273
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(60.505.902.086)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			112.256.152.187
Doanh thu hoạt động tài chính			10.037.913.700
Chi phí tài chính			(11.038.206.609)
Thu nhập khác			70.400
Chi phí khác			(77.392.374)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14.378.314.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu			96.800.222.774
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài	38.094.209.853	145.665.036	38.239.874.889
Tổng chi phí khấu hao	29.480.397.358	34.195.670	29.514.593.028

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.026.836.485.584			1.026.836.485.584
Tài sản phân bổ cho bộ phận	4.574.889.221	31.750.269		4.606.639.490
Các tài sản không phân bổ				264.371.255.479

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tổng tài sản			1.295.814.380.553
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	144.775.200.631		144.775.200.631
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	316.093.075.107	2.193.723.082	318.286.798.189
Nợ phải trả không phân			64.423.109.004
Tổng nợ phải trả			527.485.107.824
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.181.871.493.575		1.181.871.493.575
Tài sản phân bổ cho bộ phận	5.345.936.311	165.853.954	5.511.790.265
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			224.412.829.604
Tổng tài sản			1.411.796.113.444
Nợ phải trả trực tiếp của	101.855.175.537		101.855.175.537
Nợ phải trả phân bổ cho	349.682.011.600	10.848.641.073	360.530.652.673
Nợ phải trả không phân			101.137.912.878
Tổng nợ phải trả			563.523.741.088

2b Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước

3 Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.759.712.925				65.759.712.925
Các khoản cho vay	245.118.853.308				245.118.853.308
Phải thu khách hàng	101.365.685.813				101.365.685.813
Các khoản phải thu khác	764.463.254				764.463.254
Cộng	413.008.715.300				413.008.715.300

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.353.734.710				8.353.734.710
Phải thu khách hàng	113.550.588.131				113.550.588.131
Các khoản cho vay	363.681.268.981				363.681.268.981
Các khoản phải thu khác	47.397.586.847				47.397.586.847
Cộng	532.983.178.669				532.983.178.669

3b Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	296.981.061.905			296.981.061.905
Phải trả người bán	142.854.097.649			142.854.097.649
Các khoản phải trả khác	9.106.648.090			9.106.648.090
Cộng	448.941.807.644			448.941.807.644
	<u>Từ 1 năm trở</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ	332.673.654.018			332.673.654.018
Phải trả người bán	98.344.159.215			98.344.159.215
Các khoản phải trả khác	55.595.835.255			55.595.835.255
Cộng	486.613.648.488			486.613.648.488

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tài sản tài chính</i>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.759.712.925	8.353.734.710	65.759.712.925	8.353.734.710
Phải thu khách hàng	101.365.685.813	113.550.588.131	101.365.685.813	113.550.588.131
Các khoản cho vay	245.118.853.308	363.681.268.981	245.118.853.308	363.681.268.981
Phải thu khác	131.894.428	82.209.262.205	131.894.428	82.209.262.205
Cộng	412.376.146.474	567.794.854.027	412.376.146.474	567.794.854.027

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	296.981.061.905	332.673.654.018	296.981.061.905	332.673.654.018
Phải trả người bán	142.854.097.649	98.344.159.215	142.854.097.649	98.344.159.215
Các khoản phải trả khác	9.106.648.090	55.595.835.255	9.106.648.090	55.595.835.255
Cộng	448.941.807.644	486.613.648.488	448.941.807.644	486.613.648.488

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Lập ngày 20 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Phạm Thị Bích Phương


Phạm Thị Bích Phương


Hồ Mạnh Linh

